

Application Period : 2026. 06. 01. - 2026. 06. 30.

Educational Activity Support Program for Children from Multicultural Families



Eligibility

- Children of multicultural families with Korean nationality (elementary to high school students)
- Households with income at or below 100% of the median income and not receiving educational benefits

Support Details

- **NHPoints** (Applicants must have an NH card in their name)

Elementary school students : KRW 400,000

Middle school students : KRW 500,000

High school students : KRW 600,000

How to Apply

- **Apply in person with required documents (from June)**

Where: 제주시 중앙로 14길 15, 3층 (Jeju Family Center, Jung-ang Office 3F)

Application hours: 10:00 AM- 5:00 PM / Closed during lunch (12:00 - 13:00)

Due to parking lot construction, parking tickets cannot be issued.

Required Documents

- Application Form
- Personal Information Consent Form
- Family Relationship Certificate
- Resident Registration Certificate
- Basic Certificate (Detailed)
- ID (ARC or Passport Copy)
- Health Insurance Payment Certificate

Other Documents

- **Divorced Families** : Marriage Relationship Certificate (Detailed)
- Local subscriber among dual-income households (business owners/daily earners) : Income Certificate
- **Common-law Relationship** : Proof of Cohabitation
- **Application by a Legal Representative** : Power of Attorney and Consent

* For other inquiries, please call us.

Guidelines

- Only documents issued in **June** are accepted.
- Expected waiting time **1-1.5 hours**.
- Sign up on the Jeju Family Center website under your child's name, and bring your child's **account ID & password** to reduce waiting time.

- Where to Obtain These Documents

- **Jeju Family Center website** : Application form, Personal Information Consent form, Proof of Cohabitation, Power of Attorney and Consent Form
- **Community Center (Administrative Welfare Center)**(Online: Government 24) : Family Relationship Certificate, Resident Registration Certificate, Basic Certificate(detailed), Marriage Relationship Certificate(detailed)
- **NHIS (National Health Insurance Service)**(Online: website or app): Health Insurance Payment Certificate, Health Insurance Eligibility Certificate

- Pagsumite ng Health Insurance Documents ayon sa Uri

- **Employee Insured**: Submit payment records from **April 2026** to most recent
- **Local Insured**: Submit payment records from **December 2025** to most recent
- **Dependents**: Submit Health Insurance **Eligibility Certificate** (Head of household must be an adult listed on the resident registration)
* If health insurance payment records are unavailable: → Income Certificate

→ * Where to Obtain: Tax Office, Community Center, HomeTax (online)



Inquiries: 070-4544-3594 (Family-friendly Team)

2026 Health Insurance Income Criteria (100% of Median Income)

Household Size	Monthly Income (KRW)	Health Insurance Premium		
		Employee Insured	Local Insured	Combined
2-person	4,200,000	151,148	83,625	152,775
3-person	5,360,000	195,073	137,279	197,469
4-person	6,495,000	236,378	172,901	240,050
5-person	7,557,000	274,221	220,149	279,461
6-person	8,556,000	309,777	264,935	318,043
7-person	9,516,000	348,913	308,246	360,410
8-person	10,475,000	390,974	357,158	410,439
9-person	11,434,000	432,308	404,529	457,613
10-person	12,393,000	457,613	435,046	490,306

Some applicants may be given priority depending on their situation.



-If you cannot obtain a Health Insurance Payment Certificate:

- Business owners / Daily workers → Income Certificate
- On parental leave → Parental Leave Certificate
- Living abroad → Entry & Exit Record

- How to Calculate Income Level (based on 2 guardians)

- Employee Insured → Higher premium + Lower premium 1/2
- Local Insured → Sum of both premiums
- Mixed → Employee premium + Local premium



Inquiries: 070-4544-3594 (Family-Friendly Team)

Thời gian đăng ký : 2026. 06. 01. - 2026. 06. 30.

Chương trình hỗ trợ chi phí hoạt động giáo dục



Đối tượng

- Con em gia đình Đa văn hóa độ tuổi cấp 1~ cấp 3, quốc tịch Hàn, không nhận trợ cấp giáo dục, gia đình có tổng thu nhập dưới 100% thu nhập trung vị tiêu chuẩn

Nội dung

- Cấp point ngân hàng nông nghiệp(Cần có thẻ ngân hàng đứng tên người đăng ký) cấp 1: 400 nghìn won, cấp 2: 500 nghìn won, cấp 3: 600 nghìn won

Cách đăng ký

- Chuẩn bị giấy tờ cần thiết và đến trung tâm đăng ký (**Từ tháng 6**)

Địa chỉ : 제주시 중앙로 14길 15, 3층 (제주시 가족센터 중앙점 3층)

Thời gian : 10:00 - 17:00 / không thể đăng ký vào giờ ăn trưa(12:00 - 13:00)

Bãi đỗ xe đang thi công cho nên không cấp phiếu gửi xe

Giấy tờ cần thiết

- 신청서
- 개인정보동의서
- 가족관계증명서
- 주민등록등본
- 기본증명서(상세)
- 외국인 등록증 or 여권사본
- 건강보험료납부확인서

Giấy tờ khác

- Gia đình ly hôn
: 혼인관계증명서(상세)
 - Người kinh doanh, lao động theo ngày
: 소득금액증명원
 - Sống chung không kết hôn
: 사실혼관계확인서
 - Đăng ký thay cho người bảo hộ
: 위임장 및 법정대리인 동의서
- Vui lòng điện thoại hỏi khi có thắc mắc khác

Hướng dẫn

- Tất cả giấy tờ phải được rút trong tháng 6
- Thời gian đợi tối đa:
1 giờ ~ 1 giờ 30 phút.
- Hãy gia nhập thành viên theo tên của con trước và **cầm ID và số bí mật** đến trung tâm (Thời gian chờ đợi sẽ ngắn hơn)

- Nơi rút giấy tờ

- Trang web trung tâm gia đình tp jeju:
신청서, 개인정보동의서, 사실혼관계확인서, 위임장 및 법정대리인 동의서
- Ủy ban nhân dân(Trung tâm phúc lợi hành chính) (Online: 정부 24) :
가족관계증명서, 주민등록등본 기본증명서(상세), 혼인관계증명서(상세)
- Công ty bảo hiểm ý tế quốc gia (Online: 국민건강보험공단 홈페이지, The 건강보험 어플):
건강보험료 납부확인서, 건강보험 자격확인서

- Cách nộp giấy xác nhận đóng bảo hiểm theo từng loại hình tham gia

- Đăng ký theo công ty: Bao gồm nội dung đóng từ 4/2026~nay
 - Đăng ký theo địa phương: Bao gồm nội dung đóng từ 12/2025~nay
 - Người đóng theo: Giấy xác nhận tư cách tham gia bảo hiểm y tế (chủ hộ là người trưởng thành được ghi trong bản đăng ký thông tin cư trú)
- * Trường hợp không xác nhận được việc đóng bảo hiểm y tế: 소득금액증명원

→ * 발급처: 세무소, 동사무소, 국세청 홈택스(온라인)



문의: 070-4544-3594 (가족친화팀)

Bảng Tiêu chí đánh giá thu nhập theo mức 100% thu nhập trung vị và mức đóng bảo hiểm năm 2026

Số thành viên gia đình	Mức thu nhập	Phí bảo hiểm mà bản thân tự đóng		
		Đăng ký theo công ty	Đăng ký theo khu vực	Hỗ hợp
2 người	4,200,000	151,148	83,625	152,775
3 người	5,360,000	195,073	137,279	197,469
4 người	6,495,000	236,378	172,901	240,050
5 người	7,557,000	274,221	220,149	279,461
6 người	8,556,000	309,777	264,935	318,043
7 người	9,516,000	348,913	308,246	360,410
8 người	10,475,000	390,974	357,158	410,439
9 người	11,434,000	432,308	404,529	457,613
10 người	12,393,000	457,613	435,046	490,306

Có thể được xét theo đối tượng ưu tiên tùy theo hoàn cảnh của người đăng ký

- Trường hợp không rút được giấy xác nhận đóng bảo hiểm

- Người kinh doanh và người lao động theo ngày: 소득금액증명원
- Người nghỉ chế độ nuôi con: 육아휴직확인서
- Người cư trú tại nước ngoài: 출입국관리증명서

- Cách tính mức thu nhập (theo tiêu chuẩn có 2 người bảo hộ)

- Đăng ký theo công ty: Phí của người đóng bảo hiểm cao +1/2 phí đóng bảo hiểm của người thấp
- Đăng ký theo địa phương: Cộng tổng phí đóng của mỗi người
- Đăng ký hỗn hợp: người đóng theo công ty + người đóng theo khu vực

문의: 070-4544-3594 (가족친화팀)

Panahon ng Aplikasyon: 2026. 06. 01. - 2026. 06. 30.

Programang Suporta sa Gastusing Pang-edukasyon para sa mga Anak ng Multikultural na Pamilya



Mga Kwalipikado

- Mga batang may Korean citizenship mula elementarya hanggang high school na kabilang sa multikultural na pamilya, hindi tumatanggap ng educational assistance at may kita ng pamilya na hindi lalampas sa 100% ng median income.

Detalye ng Suporta

- **NH Points** (kinakailangan na ang NH card ay nakapangalan sa aplikante)
Elementarya: 400,000 won, Middle School: 500,000 won, High School: 600,000 won

Paraan ng pag-apply

- Maaaring bumisita sa insitusyon matapos ihanda ang mga kinakailangang dokumento (**mula Hunyo**)
Lugar ng aplikasyon : 제주시 중앙로 14길 15, 3층 (제주시 가족센터 중앙점 3층)
Oras ng aplikasyon : 10:00 AM - 5:00 PM / iwasang bumisita sa oras ng tanghalian (12:00NN - 1:00PM)

Sa kasalukuyan, walang maibibigay na parking ticket dahil sa konstruksyon sa parking area.

Mga Kinakailangang Dokumento

- Application Form
- Personal Information Consent Form
- Family Relationship Certificate
- Resident Registration Certificate
- Basic Certificate (Detailed)
- ID (ARC or Passport Copy)
- Health Insurance Payment Certificate

Iba pang Dokumento

- **Divorced Families** : Marriage Relationship Certificate(Detailed)
 - Local subscriber among dual-income households (business owners/daily earners) : Income Certificate
 - **Common-law Relationship** : Proof of Cohabitation
 - **Application by a Legal Representative** : Power of Attorney and Consent
- * Maaaring tumawag para sa mga karagdagang katanungan.

Mga Paalala

- Tanging mga dokumentong inisyu ngayong **Hunyo** lamang ang tatanggapin.
- Ang oras ng proseso ay maaaring tumagal ng **1 hanggang 1.5 oras**.
- Mag-register sa Jeju Family Center website gamit ang pangalan ng anak at dalhin ang **account ID at password** upang mapabilis ang proseso.

- **Saan Makukuha ang mga Kinakailangang Dokumento:**
 - **Website ng Jeju Family Center** : Application form, Personal Information Consent form, Proof of Cohabitation, Power of Attorney and Consent Form
 - **Community Center (Administrative Welfare Center)**(Online: Government 24) : Family Relationship Certificate, Resident Registration Certificate, Basic Certificate(detailed), Marriage Relationship Certificate(detailed)
 - **NHIS (National Health Insurance Service)**(Online: website or app): Health Insurance Payment Certificate, Health Insurance Eligibility Certificate

- **Pagsumite ng Health Insurance Documents ayon sa Uri**
 - **Employee Insured**: Submit payment records from **April 2026** to most recent
 - **Local Insured**: Submit payment records from **December 2025** to most recent
 - **Dependents**: Submit Health Insurance **Eligibility Certificate** (Head of household must be an adult listed on the resident registration)
* If health insurance payment records are unavailable: → Income Certificate

→ * Makukuha ang mga dokumentong ito sa Tax Office, Community Center, o HomeTax (online).

Mga Katanungan: 070-4544-3594 (Family-friendly Team)

Pamantayan ng 100% Median Income Batay sa Health Insurance 2026

Bilang ng Miyembro ng Pamilya	Pamantayan ng Kita	Kontribusyon sa Health Insurance		
		Empleyado	Lokal	Kombinado
2	4,200,000	151,148	83,625	152,775
3	5,360,000	195,073	137,279	197,469
4	6,495,000	236,378	172,901	240,050
5	7,557,000	274,221	220,149	279,461
6	8,556,000	309,777	264,935	318,043
7	9,516,000	348,913	308,246	360,410
8	10,475,000	390,974	357,158	410,439
9	11,434,000	432,308	404,529	457,613
10	12,393,000	457,613	435,046	490,306

Ang ilang aplikante ay maaaring bigyan ng prayoridad depende sa kanilang sitwasyon.

- Kapag walang Health Insurance Payment Certificate

- Mga negosyante at arawang manggagawa : Income Certificate

- Para sa mga naka-leave para sa pag-aalaga ng bata: Parental Leave Certificate

- Para sa mga naninirahan sa ibang bansa: Entry & Exit Record

- Paraan ng Pagkalkula ng Kita (Batay sa 2 Magulang)

- Empleyadong Miyembro: Mas mataas na health insurance + kalahati ng mas mababang health insurance

- Lokal na Miyembro: Pinagsamang halaga ng health insurance ng bawat isa

- Pinagsamang Miyembro: Empleyadong Miyembro + Lokal na Miyembro



Mga Katanungan: 070-4544-3594 (Family-friendly Team)

申请时间: 2026. 06. 01. - 2026. 06. 30.

多文化家庭子女 教育活动费支援事业



对象

- 不享受教育补贴 基准中位所得 100% 以下,
持有韩国国籍的多文化家庭的小学生 ~ 高中学生

支援内容

- **NH积分**(申请人需持有本人名义的农协卡)
小学 40万元, 初中 50万元, 高中 60万元

申请方法

- 携带所需材料,现场提交申请 **(6月开始)**
申请场所: 제주시 중앙로 14길 15, 3층 (济州市家庭中心 中央路办公室 3楼)
申请时间: 10:00 - 17:00 / 午休时间(12:00 - 13:00) 不受理

因停车场施工, 停止发放停车券。

所需材料

- 申请书
- 个人信息同意书
- 家庭关系证明书
- 居民登录誊本
- 基本证明书(详细)
- 外国人登陆证或护照复印件
- 健康保险费缴纳确认书

其他材料

- 离婚家庭
: 婚姻关系证明书(详细)
 - 双职工家庭中地区参保人(个体经营者及日薪劳动者)
: 所得金额证明书
 - 事实婚关系
: 事实婚关系确认书
 - 法定代理人 代理申请
: 委任状以及法定代理人同意书
- * 除此以外其他事项请电话咨询。

注意事项

- 携带的所有材料, 必须是 **6月** 开具的材料才可以提交。
- 最长等待时间约为 **1小时 ~ 1小时 30分**。
- 以申请子女的名字
在济州市家庭中心的主页上加入会员后,
携带账号·密码
(可缩短受理时间。)

- 所需材料 开具处

- 济州市家庭中心主页:
申请书, 个人信息同意书, 事实婚关系确认书, 委任状以及法定代理人同意书
- 洞居民中心(行政福利中心)(非面对面方式: 政府 24):
家庭关系证明书, 居民登录誊本 基本证明书(详细), 婚姻关系证明书(详细)
- 国民健康保险工团(非面对面方式: 国民健康保险工团主页, The 健康保险应用程序):
健康保险费缴纳确认书, 健康保险资格确认书

- 根据参保人员的类型, 健康保险费缴纳确认书的提交方法

- 职场参保人: **26年 4月** 缴费记录起 ~ 最近的缴费记录
 - 地区参保人: **25年 12月** 缴费记录起 ~ 最近的缴费记录
 - 被抚养人: 健康保险 **资格确认书** (户主为户口本上登记的成年人)
- * 如无法提交健康保险缴费的话: 所得金额证明
→ * 开具处: 税务所, 洞事务所, 国税厅Home tax (线上)



咨询: 070-4544-3594 (家庭亲和组)

2026年 健康保险费 基准中位所得 100% 收入判定标准表

家庭成员数	所得基准	健康保险费 本人负担金		
		职场参保人	地区参保人	混合
2人	4,200,000	151,148	83,625	152,775
3人	5,360,000	195,073	137,279	197,469
4人	6,495,000	236,378	172,901	240,050
5人	7,557,000	274,221	220,149	279,461
6人	8,556,000	309,777	264,935	318,043
7人	9,516,000	348,913	308,246	360,410
8人	10,475,000	390,974	357,158	410,439
9人	11,434,000	432,308	404,529	457,613
10人	12,393,000	457,613	435,046	490,306



根据申请人的情况，或可优先列为选定对象。

- 健康保险费缴纳确认书 无法开具的情况

- 个体经营者及日薪劳动者：所得金额证明书
- 育儿休假人员：育儿休假确认书
- 海外居留者：出入境管理证明书

- 收入水平计算方法（以2名监护人为标准）

- 职场参保人：较高的健康保险费 + 较低的健康保险费的 1/2
- 地区参保人：各自的健康保险费合计
- 混合参保人：职场参保人 + 地区参保人

☎ 咨询: 070-4544-3594 (家庭亲和组)